

Cội nguồn sức mạnh cho mọi thắng lợi và thăng hoa của dân tộc - Kỳ 1: Gốc thiêng Lạc Hùng và tinh thần “đồng bào”

09:00 28/10/2025

Từ buổi bình minh của Nền văn hiến Hùng Vương, trải qua các triều đại dựng nước và giữ nước oai hùng cho đến thời đại Hồ Chí Minh và công cuộc kiến thiết, đổi mới hôm nay, luôn có một sợi chỉ đỏ xuyên suốt mọi thắng lợi và sự trường tồn của quốc gia - đó là tư tưởng yêu nước và tinh thần đại đoàn kết dân tộc, đã viết nên bản anh hùng ca bất tận về ý chí quật cường và khát vọng vươn lên của dân tộc Việt Nam.

Mỗi thời đại đều có một ngọn đuốc soi đường, với dân tộc Việt Nam, ngọn đuốc ấy chính là tư tưởng yêu nước và tinh thần đoàn kết dân tộc. Đây là yếu tố gốc rễ, cội nguồn cho mọi thắng lợi và thăng hoa của dân tộc.

Trong tiến trình dựng nước và giữ nước, mỗi giai đoạn lịch sử đều xuất hiện những bậc hiền tài, những tư tưởng lớn, nhân cách lớn, trở thành trụ cột tinh thần giúp chèo lái con thuyền dân tộc đi tới đài vinh quang. Tư tưởng ấy không chỉ là kim chỉ nam định hướng soi rõ con đường đi mà còn là ngọn lửa hun đúc sức mạnh nội sinh, khơi dậy lòng yêu nước, tự hào, tự tôn dân tộc và đều gặp nhau ở một điểm chung là “yêu nước, thương dân, dựa vào dân, lấy dân làm gốc, huy động sức mạnh của Nhân dân và khối đại đoàn kết dân tộc”.



Tranh vẽ Lão Tiên bên bến Việt Trì ở chùa Hoa Long, Việt Trì. (Ảnh bahviet18.com)

Trải qua hàng nghìn năm lịch sử, tư tưởng hào hùng ấy ngày càng được hun đúc, trỗi dậy mạnh mẽ, thậm chí tiếp tục được kế thừa, nâng cấp và hiện đại hóa thành một hệ thống lý luận hoàn chỉnh, có khả năng giải quyết các vấn đề của thời đại. Có thể nhìn thấy rất rõ điều này khi đi sâu nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh - nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam hành động cho toàn Đảng, toàn dân ta. Tư tưởng Hồ Chí Minh đã kế thừa những giá trị cốt lõi của truyền thống yêu nước, thương dân và phát triển các giá trị này trên cơ sở khoa học của chủ

nghĩa Mác - Lênin và tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại.

Trong mọi khúc quanh lịch sử, từ những năm tháng giữ nước oanh liệt đến thời kỳ kiến quốc và phát triển hôm nay, chính tư tưởng sâu sắc ấy đã làm nên bản lĩnh, tạo nên bản sắc và nâng tầm dân tộc. Đây cũng là bí quyết để một quốc gia khiêm tốn về diện tích vẫn trường tồn qua nghìn năm sóng gió, đứng vững giữa những biến động toàn cầu và ngày càng khẳng định vị thế, bản lĩnh, trí tuệ Việt Nam trên trường quốc tế...

Kỳ 1: Gốc thiêng Lạc Hùng và tinh thần “đồng bào”

Lịch sử không chỉ kể chuyện những chiến công mà còn chứng minh một tư tưởng đúng đắn có thể biến sức mạnh rời rạc thành sức mạnh đại đoàn kết, biến lòng yêu nước thành hành động giải phóng dân tộc. Mọi con sông đều bắt nguồn từ một mạch suối. Mọi dân tộc đều có một buổi bình minh lịch sử, nơi ký ức và huyền thoại hòa quyện, trở thành “rễ chòm” nuôi dưỡng bản lĩnh và tâm hồn. Với Việt Nam, buổi bình minh ấy là thời đại Hùng Vương - giai đoạn mở nước và dựng nước đầu tiên, được lưu truyền qua bao thế hệ như một bản trường ca về sức mạnh đoàn kết, trí tuệ và ý chí độc lập.

Khởi nguyên huyền thoại từ “đồng bào”

Lịch sử Việt Nam mở đầu bằng huyền thoại Lạc Long Quân - Âu Cơ, biểu tượng thiêng liêng của nguồn gốc thống nhất và tình gắn bó máu thịt giữa những người con đất Việt. Từ huyền thoại ấy, hai chữ “đồng bào” ra đời, trở thành hạt nhân tư tưởng gắn bó dân tộc trong suốt chiều dài dựng nước và giữ nước.

“Đồng bào” - từ huyền thoại bọc trăm trứng, đã trở thành tư tưởng gốc rễ và mệnh ước thiêng liêng về sự thống nhất, là cội nguồn sâu xa của sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc Việt Nam.

Thời đại Hùng Vương, một kỷ nguyên rực rỡ kéo dài qua 18 triều vua, dù chưa có một học thuyết chính trị hoàn chỉnh theo nghĩa hiện đại nhưng đã kiến tạo nên tư tưởng cội nguồn sâu sắc nhất - tinh thần bọc trăm trứng. Hình tượng Lạc Long Quân và Âu Cơ không chỉ là huyền thoại khởi nguyên mà còn là tuyên ngôn chính trị và văn hóa mang tính quốc gia, mang ý nghĩa phổ quát về sự thống nhất không thể chia cắt. Nó định hình nên ý thức dòng giống Tiên Rồng và Lạc Hùng chính thống của người Việt. Chính sự thống nhất tuyệt đối về nguồn gốc này đã đặt nền móng vững chắc cho tư tưởng đoàn kết bất diệt và tinh thần đồng bào, tạo ra một “gốc rễ” vững vàng giúp dân tộc Việt Nam vượt qua mọi biến cố, nhất là những cuộc xâm lược từ bên ngoài và những chia cắt nội bộ.

Sử sách vẫn lưu truyền huyền tích Lạc Long Quân kết duyên cùng nàng Âu Cơ, sinh ra bọc trăm trứng, nở thành trăm người con. Năm mươi con theo cha xuống biển, năm mươi con theo mẹ lên núi. Trước khi chia tay, Lạc Long Quân dặn: “Có việc gì thì cùng nhau giúp đỡ”. Lời dặn ấy trở thành mệnh ước của dân tộc, gieo vào tâm thức người Việt niềm tin rằng, dù khác biệt về địa lý hay hoàn cảnh, tất cả đều chung dòng máu Tiên Rồng, cùng chia sẻ một vận mệnh. Huyền thoại Lạc Long Quân - Âu Cơ không chỉ là một câu chuyện dân gian mà là tuyên ngôn tinh thần đầu tiên của dân tộc về ý thức cộng đồng và tinh thần đoàn kết. Hình ảnh “cùng một bọc trứng” chính là ẩn dụ cho mối quan hệ gắn bó giữa con người với con người, giữa cá nhân và cộng đồng, giữa dân tộc và Tổ quốc.



Tảng đá thiêng in dấu chân Vua Hùng ở đình Cả Cao Bang (Phú Thọ).
Tương truyền, đình là nơi Vua Hùng tiếp nhận sách trời để thành lập nước Văn Lang. (Ảnh bahviet18.com)

Từ khởi nguyên ấy, các vua Hùng đã đặt nền móng văn hóa, luật tục và kinh tế nông nghiệp, hình thành nên cốt cách dân tộc Việt - là sự kết hợp hài hòa giữa sức mạnh vật chất và tinh thần. Trong các huyền thoại dân gian, từ Tản Viên Sơn Thánh trị thủy, Thánh Gióng dẹp giặc Ân, người Việt đã gửi gắm thông điệp sâu sắc rằng, chỉ khi đồng lòng, cùng nhau vượt qua hiểm nguy, con người mới chiến thắng thiên nhiên và các thế lực ngoại xâm. Đây chính là “tư tưởng dân gian” sơ khai, cũng là tiền thân của tư tưởng đại đoàn kết dân tộc sau này.

Cũng trong Thời đại Hùng Vương, nhà nước Văn Lang ra đời, kéo dài hơn 800 năm - tuy sơ khai nhưng đã khẳng định ý thức cộng đồng, đánh dấu bước trưởng thành của dân tộc cả về tổ chức xã hội lẫn tư tưởng. Những phát hiện khảo cổ tại Phú Thọ, Việt Trì, Làng Cả, Gò Mun... cho thấy một nền văn minh nông nghiệp lúa nước phát triển, dựa trên sự cộng tác và tương trợ của cộng đồng. Nơi đây, văn hóa vật chất và tinh thần hòa quyện, thể hiện qua các di sản như trống đồng, lễ hội, phong tục thờ cúng tổ tiên - tất cả đều hướng về ý thức thống nhất dòng giống, khẳng định “chúng ta là một dân tộc, một nguồn cội”. Tư tưởng “đồng bào” vì thế vượt ra khỏi phạm vi huyền thoại, trở thành nền tảng tư tưởng - chính trị - văn hóa của quốc gia. Nó quy định cách người Việt đối nhân xử thế, ứng xử với thiên nhiên, với xã hội và với chính mình.

Tư tưởng “đồng bào” trở thành trụ cột tinh thần và năng lượng nội sinh sâu xa nhất, quy định cách người Việt ứng xử và giúp dân tộc trường tồn qua mọi biến cố.

Trải qua hơn 4.000 năm, mỗi lần đất nước bị xâm lăng hay chia cắt, tinh thần “đồng bào” lại là sợi chỉ đỏ nối liền non sông, quy tụ sức mạnh toàn dân, hun đúc nên các giá trị cốt lõi: yêu nước, nhân ái, đoàn kết, cần cù, sáng tạo. Chính những giá trị này đã trở thành năng lượng nội sinh giúp dân tộc Việt Nam trường tồn, vươn lên qua mọi biến động lịch sử.

Hai chữ “đồng bào” đến nay vẫn sống động trong ngôn ngữ chính trị, trong Hiến pháp, trong từng lời kêu gọi của Đảng, của Bác Hồ, và trong giao tiếp hằng ngày giữa người Việt. Khi Chủ tịch Hồ Chí Minh mở đầu bản Tuyên ngôn Độc lập bằng câu “Hỡi đồng bào cả nước!”, Người không chỉ xưng hô mà còn khơi dậy mạch nguồn văn hóa - tư tưởng từ thuở Hùng Vương, gắn kết hàng triệu con người thành một khối thống nhất. Bởi vậy, có thể nói, tư tưởng “đồng bào” chính là cội nguồn sâu xa của sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, một tư tưởng vượt thời gian, từ huyền thoại bước vào đời sống hiện thực, trở thành trụ cột tinh thần của quốc gia hôm nay.

Chữ “đồng bào” là một sáng tạo độc đáo mà các dân tộc khác không có. Nó vừa mang ý nghĩa văn hóa, vừa chứa đựng nội hàm chính trị - xã hội. Đến ngày nay, hai chữ “đồng bào” vẫn được dùng trong Hiến pháp, trong các bài diễn văn chính trị, trong giao tiếp thường nhật như một minh chứng sống động, rằng nguồn gốc văn hoá đã trở thành nền tảng chính trị của quốc gia, đúng như Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng đã xác định “Động lực và nguồn lực phát triển quan trọng của đất nước là khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc” (Văn kiện Đại hội XIII, tập 1).

“Dân là gốc” - tư tưởng trị quốc từ buổi bình minh

Trong dòng chảy lịch sử nhân loại, mỗi dân tộc đều có một câu chuyện để lý giải sự ra đời của mình. Với người La Mã là huyền thoại Romulus và Remus được sói mẹ nuôi dưỡng, với người Hy Lạp là thần thoại về Zeus và đỉnh Olympus, còn với người Việt, câu chuyện khởi nguyên lại mang tinh thần nhân văn sâu sắc - huyền thoại Lạc Long Quân và Âu Cơ, sinh ra bọc trăm trứng và hai chữ “đồng bào” ra đời, trở thành hạt nhân tư tưởng kết nối dân tộc qua hàng nghìn năm.

So sánh với các quốc gia khác sau này càng thấy rõ sự đặc biệt ấy. Nước Mỹ được hình thành bởi những người nhập cư châu Âu, đặt nền móng trên bản Tuyên ngôn độc lập 1776 với tư tưởng “mọi người sinh ra đều bình đẳng”. Trung Quốc được định hình từ hàng loạt triều đại trung ương tập quyền, củng cố bằng quyền lực hoàng đế và Nho giáo. Trong khi đó, Việt Nam - từ buổi bình minh lịch sử lại lấy huyền thoại về tình thân để xây dựng ý thức quốc gia. Một quốc gia không ra đời từ bạo lực chinh phục hay liên minh cưỡng ép mà được kiến tạo trên nền tảng nhân văn và văn hóa - đây là điều hiếm có trong lịch sử thế giới.

Việt Nam là quốc gia hiếm hoi được kiến tạo trên nền tảng văn hóa và nhân văn, từ huyền thoại “đồng bào”, không phải bạo lực hay chinh phục. Điều này hình thành nên triết lý trị quốc đặc biệt: “Dân là gốc”.

Tư tưởng ấy cũng tương đồng với minh triết phương Đông. Khổng Tử từng nói: “Dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh” (tạm dịch “dân là trọng hơn cả, xã tắc đứng đằng sau, vua còn nhẹ hơn”) tức nhấn mạnh dân là gốc của quốc gia. Cha ông ta đã sớm Việt hóa tư tưởng này bằng hành động cụ thể: dựng nước phải dựa vào dân, giữ nước càng phải lấy dân làm gốc, lấy đoàn kết toàn dân làm sức mạnh.

Từ thời các Vua Hùng dựng nước, xã hội Văn Lang đã vận hành theo mô hình cộng đồng - hợp tác, trong đó Vua Hùng không chỉ là thủ lĩnh chính trị mà còn là người đứng đầu tinh thần, giữ vai trò điều hòa giữa các bộ lạc, bảo đảm sự đồng thuận trong sản xuất, sinh hoạt và tín ngưỡng. Cấu trúc xã hội này phản ánh một hình thức quản trị sơ khai nhưng thấm đẫm triết lý “ý dân là ý trời”, nơi mọi quyền lực đều bắt nguồn từ sự đồng thuận cộng đồng.

Qua các nghiên cứu lịch sử tân biên và khảo cổ học, có thể thấy, thời đại Hùng Vương đã trải qua một quá trình phát triển xã hội liên tục, phức tạp và mang tính tự cường cao, minh chứng cho ý chí quản lý quốc gia từ thuở sơ khai. Xã hội đã tiến hóa qua bốn giai đoạn rõ rệt:

Thời thủ lĩnh cộng đồng: Giai đoạn hình thành các bộ lạc, nền tảng của văn hóa Đông Sơn, với hệ thống quyền lực phân tán và vai trò của các tộc trưởng.

Thời chế độ thị tộc phụ đạo: Giai đoạn củng cố các liên minh bộ lạc, xác lập trật tự xã hội sơ khai, quyền lực dần tập trung hơn nhưng vẫn dựa trên quan hệ huyết thống và thị tộc.

Thời chế độ phong kiến phân quyền: Bắt đầu có sự phân định rõ ràng giữa các khu vực quyền lực, sự ra đời của các chức vụ quản lý, tạo tiền đề cho một nhà nước.

Thời chế độ phong kiến tập quyền: Thiết lập bộ máy cai trị ở các cấp độ khác nhau, khẳng định vai trò tối cao của Vua Hùng (Vua Cha), xây dựng một nhà nước Văn Lang thống nhất, quản lý đất đai và binh lực.

Sự chuyển biến này không phải là ngẫu nhiên, mà là kết quả của nỗ lực “trị bình kiến phu” (dựng nước và giữ nước) liên tục. Nó thể hiện sức mạnh tổ chức, ý chí trị quốc của người Việt và quan trọng hơn là sự đồng lòng của sức dân trong việc mở mang và bảo vệ bờ cõi. Việc khơi dậy sức dân không phải là một khẩu hiệu thời hiện đại mà là nguyên tắc tổ chức quốc gia đã có từ thuở hồng hoang, thể hiện triết lý quản trị: “Dân là gốc”.

Truyền hiền và cầu hiền

Minh triết “cầu hiền” và “truyền hiền” của Vua Hùng thể hiện tầm nhìn tối thượng: Trọng dụng nhân tài không phân biệt tuổi tác, thân phận hay hình thái xuất hiện (từ Thánh Gióng trẻ thơ đến Lã Vọng cao niên); đồng thời truyền ngôi dựa trên đức độ và tài hoa (Lang Liêu - không phân giàu nghèo), qua đó xây dựng và khẳng định trí tuệ và đạo đức là gốc rễ của sự nghiệp lớn và sự trường tồn của dân tộc.

“Hiền tài là nguyên khí quốc gia” là câu nói nổi tiếng của danh sĩ Thân Nhân Trung dưới thời vua Lê Thánh Tông, tuy nhiên, ngay từ thuở hồng hoang của dân tộc, các vị Vua Hùng đã áp dụng điều này như một minh triết trị quốc với hy vọng tìm được người tài dẫn dắt vạn bang. Thể hiện rõ nhất cho hệ tư tưởng này là truyền thuyết Sơn Tinh - Thủy Tinh, trong đó, Tản Viên Sơn Thánh, nhờ có công lớn trong quá trình trị thủy mà được Vua Hùng chọn làm con rể, trở thành người kế vị ở thời kỳ ban đầu dựng nước, khi còn chưa xác lập chế độ phụ hệ cha truyền con nối.



Tranh tượng Tản Viên Sơn Thánh ở đền Tứ Đền (Lương Sơn, Hòa Bình).
(Ảnh bahviet18.com)

Không chỉ truyền hiền, thời đại vua Hùng cũng đặc biệt chú trọng cầu hiền, tìm kiếm người tài trong thiên hạ để gánh vác đại sự, làm nên nghiệp lớn. Thời kỳ Vua Hùng thứ Sáu cách đây 3.000 năm có giặc Ân sang xâm lăng, vua sai sứ giả đi khắp nơi trong nước tìm người có tài dẹp loạn. Khi đến làng Phù Đổng, huyện Tiên Du, sứ giả nghe được tin lạ: có một cặp vợ chồng nhiều tuổi sinh được người con đã lên ba, đặt tên là Đổng Thiệt, ăn uống lớn phổng phồng nhưng không biết nói biết cười. Khi hay tin sứ giả đi qua, Đổng Thiệt mới ngồi dậy, nói rằng:

“Người về tâu với Vua cho ta một con ngựa sắt cao 10 thước, một cây roi sắt dài 10 thước, một chiếc nón sắt rộng 3 thước. Đưa mấy thứ ấy đến đây cho ta để đánh giặc Ân...”. Sau khi đánh thắng giặc Ân, khi đến núi Sóc, xã Vệ Linh, huyện Kim Hoa, Thần vương cởi bỏ áo giáp sắt, cưỡi ngựa bay trời. Vua Hùng nghĩ đến Thần vương có công lớn giúp nước bèn truy tôn thần là Phù Đổng Thiên Vương và lập miếu thờ phụng. Thánh Gióng có lẽ là vị thần tướng nhỏ tuổi nhất được cầu hiền. (Theo Hùng Vương Thánh Tổ Ngọc Phả sưu khảo, Nhóm nghiên cứu di sản văn hóa Đền Miếu Việt: Nguyễn Đức Tố Lưu, Thích Tâm Hiệp, Nguyễn Đức Tố Huân, Nhà xuất bản Dân Trí, 2020).



Hòn đá nút ở lưng núi Vệ Linh, tương truyền là áo giáp của Phù Đổng Thiên Vương để lại trước khi bay lên trời. (Ảnh bahviet18.com)

Cũng theo nghiên cứu của Nhóm Đèn Miếu Việt trong ấn bản Hùng Vương Thánh Tổ Ngọc Phả sưu khảo: Truyền thuyết Thánh Gióng với triết lý “cầu hiền” còn được thể hiện dưới một phiên bản khác về tích Lã Ông câu cá giúp Vua Hùng gây dựng nước Văn Lang. Vào cuối thời Ân Thương cách đây trên 3.000 năm, Lã Vọng là một người dân thường, có gia cảnh khó khăn, dù tuổi cao nhưng vẫn suy tính việc cứu dân cứu nước, hàng ngày mang cây cần trúc không lưỡi ngồi câu cá bên bờ sông Vị. Khi đó, Tây Bá hầu Cơ Xương đang lo lắng việc nước, đi qua bến sông, gặp được Lã Vọng và biết ông là người tài nên tôn làm Thượng phụ Khương Thái Công. Nhờ có sự phò trợ của Thái Công Lã Vọng, nhà Thục đã hoàn thành đại nghiệp phạt Trụ diệt Ân, lập nên vương triều Thục kéo dài hơn 800 năm trong lịch sử.



Lã Ông câu cá và Văn Vương cầu hiền ở đình Hùng Lô, Phú Thọ. (Ảnh bahviet18.com)



Phường Ải Lao với tứ dân ngư tiểu canh mục (áo đỏ) trong hội làng Phù Đổng. (Ảnh bahviet18.com)

Triết lý “cầu hiền” cũng được thể hiện rất rõ trong truyền thuyết Bánh chưng bánh dày với việc vua Hùng sau khi phá giặc Ân xong, trong nước thái bình nên lo việc truyền ngôi cho con và với bài toán trong một năm, con nào tìm kiếm được trân cam mỹ vị đến dâng cúng Tiên Vương cho tròn đạo hiếu thì sẽ truyền ngôi. Và công tử thứ 9 là Lang Liêu đã được lựa chọn... Lang Liêu lựa nếp hạt trắng tinh, không sứt mẻ, đem vo cho sạch, rồi lấy lá xanh gói thành hình vuông, bỏ nhân ngon vào giữa, đem nấu chín tượng trưng cho Đất, gọi là bánh chưng. Lại lấy nếp nấu xôi đem quét cho nhuyển, nhào thành hình tròn để tượng trưng cho Trời, gọi là bánh dày... Vua khen ngợi hồi lâu rồi cho Lang Liêu được giải nhất và truyền ngôi cho người con tài hoa mà đức độ[1].

Khát vọng kiệt xuất

Lịch sử Việt Nam là một bản hùng ca thăng trầm với những xáo trộn mang tính lịch sử kéo dài, thể hiện rõ quy luật sau mỗi giai đoạn biến động lớn, một nhân vật kiệt xuất lại xuất hiện, mang theo học thuyết, tư tưởng hoặc hành động đặt nền móng cho quốc gia, mang lại vinh quang rực rỡ. Sự xáo trộn này không làm mất đi gốc rễ Lạc Hùng mà ngược lại, củng cố thêm ý chí độc lập và tinh thần tự cường của dân tộc.

Các thánh tích ký truyền đã ghi nhận khí phách hào hùng này ngay từ buổi đầu dựng nước, tiêu biểu là truyền thuyết Phù Đổng Thiên Vương chiến thắng giặc Ân vốn biểu tượng cho ý chí quật cường, toàn dân chống ngoại xâm ngay từ thời Vua Hùng. Hay cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng chống quân Đông Hán, thể hiện ý chí độc lập dân tộc và khát vọng tự chủ của người Việt sau hơn hai thế kỷ bị phong kiến phương Bắc đô hộ, trở thành biểu tượng độc đáo về vai trò và vị thế của phụ nữ trong lịch sử dân tộc, thể hiện sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc chống lại kẻ thù chung.

Lịch sử Việt Nam chứng minh quy luật thiên liêng: sau mỗi thử thách, dân tộc lại vươn lên mạnh mẽ hơn, tiếp nối gốc rễ Lạc Hùng bằng ý chí tự cường, tinh thần đoàn kết và khát vọng độc lập - nền tảng bất biến cho mọi thắng lợi và trường tồn của đất nước.

Hàng loạt những cuộc chiến chống giặc ngoại xâm tiếp nối với sự xuất hiện của những vị vua, vị tướng tài ba đã trở thành huyền thoại trong lịch sử dân tộc như: cuộc nổi dậy đánh đuổi quân nhà Lương của Lý Nam Đế nhằm thiết lập ra nước Vạn Xuân, khẳng định tự chủ và tự tôn dân tộc; chiến thắng của Ngô Quyền trên sông Bạch Đằng chống quân Nam Hán lấy lòng hay kỳ tích 3 lần đánh bại quân xâm lược Nguyên - Mông với nghệ thuật quân sự “lấy ít địch nhiều, lấy đoàn kết toàn dân làm gốc” của Hưng Đạo Đại Vương; khởi nghĩa Lam Sơn chống ách đô

hộ và tàn bạo của nhà Minh, thể hiện triết lý “lấy nhân nghĩa thắng hung tàn” của Lê Lợi và Nguyễn Trãi; cuộc đại phá 29 vạn quân Thanh của vua Quang Trung, bảo vệ vững chắc nền độc lập và bước đầu thực hiện công cuộc thống nhất đất nước; chiến thắng thực dân Pháp và đế quốc Mỹ làm rung chuyển địa cầu, phát huy cao độ tư tưởng lấy dân làm gốc và chiến tranh Nhân dân giành độc lập dân tộc, thống nhất đất nước... Đây không chỉ là những chiến công quân sự mà còn khẳng định giá trị tư tưởng: độc lập, tự do là lẽ sống thiêng liêng của dân tộc.



Tranh Lý Nam Đế và Hoàng hậu Đỗ Thị Khương ở Bảo tàng Thái Bình.
(Ảnh bahviet18.com)

Điểm chung của mỗi triều đại hưng thịnh là đều biết khơi dậy sức dân, đặt lợi ích dân tộc lên trên lợi ích cục bộ. Ngược lại, khi triều chính xa rời lòng dân, tư tưởng bị tha hóa thì đất nước suy yếu, bị ngoại bang lấn át. Đáng chú ý là không chỉ chiến thắng bằng gươm giáo, dân tộc Việt Nam còn xây dựng bản lĩnh quốc gia bằng văn hóa. Các triều đại phong kiến Việt Nam duy trì được tính liên tục của quốc gia không chỉ nhờ quân sự mà nhờ văn hóa cố kết cộng đồng - từ tín ngưỡng thờ Hùng Vương, lễ hội làng xã đến văn học yêu nước như Hịch tướng sĩ, Bình Ngô đại cáo...

Suốt nghìn năm Bắc thuộc, kẻ thù nhiều lần tìm cách đồng hóa nhưng dòng máu Lạc Hồng chưa bao giờ nguội tắt. Từ Hai Bà Trưng phất cờ khởi nghĩa nhằm “Một xin rửa sạch nước thù. Hai xin đem lại nghiệp xưa họ Hùng. Ba kéo oan ức lòng chồng. Bốn xin vẹn vẹn sở công lênh này” rồi đến Bà Triệu với câu nói lưu

danh sử sách: “Tôi muốn cuỡi cơn gió mạnh, đập luồng sóng dữ, chém cá kình ở Biển Đông, đánh đuổi quân Ngô, giành lại giang sơn, cởi ách nô lệ, chứ không muốn khom lưng làm tì thiếp cho người” - đây cũng là tuyên ngôn bất tử của một phụ nữ Việt và cũng là tuyên ngôn của cả dân tộc về khát vọng tự do.



Đắp nền Hai Bà Trưng ở đền Bà Sa Lăng, Liên Hàn, Đan Phượng, Hà Nội. (Ảnh bahviet18.com)

Vào thế kỷ XI, nhà quân sự, chính trị kiệt xuất Lý Thường Kiệt đã có công rất lớn trong việc đánh Tống, bình Chiêm, bảo vệ và xây dựng đất nước. Trong bối cảnh cuộc chiến giữa Đại Việt và quân Tống xâm lược lần hai, còn đang ở thế giằng co trên phòng tuyến sông Như Nguyệt (sông Cầu), tại Đền Xà, Lý Thường Kiệt đã sai người tâm phúc đọc vang bài “Nam Quốc Sơn Hà” để khích lệ tinh thần quân sĩ Đại Việt. Hay chiến công vang dội của Ngô Quyền trên sông Bạch Đằng lịch sử năm 938 giúp đất nước chấm dứt nghìn năm Bắc thuộc, mở ra thời kỳ độc lập tự chủ lâu dài và khẳng định chủ quyền quốc gia đã trở thành nguồn cảm hứng bất tận với tác phẩm đề dời “Bạch Đằng giang phú” của Trương Hán Siêu, “Bạch Đằng hải khẩu” của Nguyễn Trãi, Bạch Đằng giang của Nguyễn Sưởng.



Chiến thắng trên sông Bạch Đằng năm 938 có ý nghĩa to lớn trong lịch sử quân sự Việt Nam. (Ảnh Vietnamtrongtoi.net)

Cuối năm 1427, ngay sau khi cuộc khởi nghĩa Lam Sơn giành thắng lợi hoàn toàn, nhà chính trị quân sự kiêm nhà văn hóa tư tưởng Nguyễn Trãi đã thay mặt vua Lê Lợi khởi thảo bản “Tuyên ngôn độc lập thứ hai” của Việt Nam mang tên “Bình ngô đại cáo” nhằm tuyên bố công khai về chiến thắng trước giặc Minh, đồng thời khẳng định nền độc lập của đất nước Đại Việt. Bài cáo nhấn mạnh tư tưởng triết lý sâu sắc “Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân”, “Đem đại nghĩa để thắng hung tàn/Lấy chí nhân để thay cường bạo”... Lời khẳng định này không chỉ nhấn mạnh tính chính nghĩa của cuộc kháng chiến mà còn đặt nhân dân ở vị trí trung tâm - điều mà Đảng ta hôm nay vẫn kiên định. Đây cũng là lý tưởng và kim chỉ nam cho mọi cuộc kháng chiến của dân tộc. Đánh giặc không chỉ để giữ đất mà còn để Nhân dân được sống trong yên ổn, thái bình. Tư tưởng nhân nghĩa sau những cuộc chiến tiếp tục được nâng lên thành triết lý trong tác phẩm Hịch tướng sĩ của Trần Quốc Tuấn với cốt lõi lấy lòng trung hiếu làm sức mạnh, lấy tinh thần đoàn kết làm thành trì. Đỉnh cao là triết lý nhân văn.

Nhìn lại lịch sử, có thể thấy, dân tộc Việt Nam luôn biết biến thử thách thành cơ hội. Trần Hưng Đạo từng khẳng khái: “Nếu bệ hạ muốn hàng, xin trước hãy chém đầu thần đã”. Câu nói ấy đã hóa thành lời thề son sắt, hun đúc nên sức mạnh đoàn kết, làm nên chiến thắng vang dội trước quân Nguyên Mông hùng mạnh bậc nhất thế giới thời bấy giờ.



Bác Hồ nói chuyện với Đại đoàn Quân Tiên Phong ngày 19/9/1954 tại Đền Hùng, xã Hy Cương, thành phố Việt Trì tỉnh Phú Thọ. (Ảnh tư liệu)

Hơn 4.000 năm đã trôi qua, di sản tự cường này vẫn là kim chỉ nam cho mọi hành động của dân tộc. Tinh thần ấy được Chủ tịch Hồ Chí Minh kế thừa bằng lời căn dặn: “Các vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước” và giữ bằng cách dựa vào dân: “Để trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong”. Lời dặn giản dị mà thấm thía ấy là sự tiếp nối mạch nguồn tư tưởng từ buổi bình minh dân tộc đến thời đại cách mạng, để mỗi người Việt hôm nay hiểu rằng: giữ nước là trách nhiệm thiêng liêng, là sứ mệnh nối tiếp truyền thống cha ông.



Hàng năm, vào dịp kỷ niệm Bác Hồ về thăm Đền Hùng lần đầu tiên (19/9/1954), các đơn vị và cá nhân trên khắp cả nước tổ chức dâng hương tri ân công đức Tổ tiên và dâng hoa tưởng nhớ Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trong ảnh là BIDV Hùng Vương tham gia chuỗi hoạt động ý nghĩa trong không gian linh thiêng Đất Tổ và hưởng ứng chương trình “Phát động trồng cây”. (Ảnh BIDV)

Tư liệu tham khảo:

- Văn kiện Đại hội XIII

- Hùng Vương Thánh Tổ Ngọc Phả sưu khảo, Nhóm nghiên cứu di sản văn hóa Đền Miếu Việt: Nguyễn Đức Tố Lưu, Thích Tâm Hiệp, Nguyễn Đức Tố Huân, Nhà xuất bản Dân Trí, 2020.

- http://svhttdl.phutho.gov.vn/tin/nho-loi-bac-day-tai-den-hung-nam-ay_1329.html

- <https://bahviet18.com/2022/08/29/la-ong-cau-ca-va-viec-cau-hien-dung-nuoc-van-lang/>

[1] <https://bahviet18.com/2021/06/26/lang-lieu-ban-ky/>

Kỳ 2: Thời đại Hồ Chí Minh - nền tảng tư tưởng của mọi thắng lợi

Phạm Hải - Phan Hường - Nguyễn Thảo